

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-10-2025

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thương

2. Ông Lê Hoàng Phúc;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực A - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2025, về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/9/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tạ Thị T**, sinh năm 1975; có mặt

Địa chỉ: Số I, đường Đ, thôn B, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Hiện ở tại: Đường số A, thôn C, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Lưu Văn N**, sinh năm 1977; vắng mặt

Địa chỉ: Số I đường Đ, thôn B, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Tạ Thị T trình bày: Vào năm 2004 bà T và ông Lưu Văn N tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do ông N có tính bồ bịch, yêu đương; mặc dù nhiều người khuyên can, nhưng ông N vẫn không sửa đổi, vẫn tính nào tật nấy, bà T đã chịu đựng kéo dài là chỉ vì con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn ông Lưu Văn N không đến tham gia nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N và cũng không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh về hôn nhân giữa bà T và ông N cho thấy vợ chồng bà T và ông N sống không còn hạnh phúc, vì ông N có tính bồ bịch lấn nhẵn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) nên việc khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về nội dung vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị T và ông Lưu Văn N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng), nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của bà T và kết quả xác minh, thể hiện nguyên nhân cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc là do ông N hay có tính bô bịch. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông N hiện không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về hôn nhân:* Bà Tạ Thị T ly hôn với ông Lưu Văn N.

- *Về án phí:* Bà Tạ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002240 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm đồng. Bà T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/10/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mai Thương Lê Hoàng Phúc Nguyễn Văn T1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV17;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Trà Tân;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái